

Bản án số: 09/2017/DS- ST

Ngày 30- 8- 2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Trần Văn Hà

2. Ông: Đỗ Xuân Thái

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2017/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017 /QĐXX- ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị A - Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Xóm 5, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* * Anh Phạm Văn C - Sinh năm: 1981

* Chị Đào Thị H - Sinh năm: 1983

Đều cùng địa chỉ: Xóm 5, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Phiên tòa có mặt: chị A, anh C; vắng mặt: chị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị A trình bày:

Ngày 23/12/2014 anh Phạm Văn C và chị Đào Thị H đến nhà hỏi vay chị số tiền 168.000.000đ (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng) để trả Ngân hàng. Thời hạn vay là 10 ngày. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, Phạm Văn C là người viết, chị là người giữ giấy vay tiền. Tuy nhiên, khi anh C, chị H lấy được tiền từ Ngân hàng thì không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đã vay cho chị. Theo chị A, trên giấy vay có lỗi sửa, tẩy về số (168) và gạch chữ (sáu) là do Phạm Văn C làm. Quan điểm của chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc anh C, chị H trả lại số tiền vay cho chị; về lãi suất chị yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật tính từ ngày 23/12/2014 cho đến nay.

Ngày 19/6/2017, chị A đã xuất trình thêm 2 giấy vay, cụ thể: 01 Giấy vay đề ngày 20/10/2014 do Phạm Văn C viết số tiền vay 2 lần là 70 triệu (C ký), anh C đã trả, còn nợ 28 triệu đồng (đây là chữ viết của chị A). 01 Giấy vay đề ngày 23/12/2014 số tiền là 140 triệu đồng, anh C viết nhưng phần ký và vay lại là Đào Thị H.

Tại giấy vay tiền chị đang yêu cầu Tòa án giải quyết có lỗi gạch, tẩy là giấy cộng dồn từ 2 giấy vay tiền này, nhưng lấy ngày 23/12/2014 làm căn cứ cho việc vay tiền của các bên.

Về giám định chữ viết cho lỗi gạch tẩy chị cho rằng không phải nghĩa vụ của chị, chị không có nghĩa vụ chứng minh. Đồng thời, chị có đơn đề nghị không đi trưng cầu giám định chữ viết trên giấy vay tiền, vì đây là lỗi do C thì C phải tự đi giám định.

* Tại bản tự khai ngày 07/6/2017, đơn đề nghị, biên bản hòa giải, bị đơn anh Phạm Văn C trình bày:

Anh không viết giấy và vay chị A số tiền như chị đang yêu cầu tại Tòa án. Thực tế anh có đôi lần vay tiền chị Anh nhưng số tiền không quá 15 triệu đồng để mua bán xe máy cũ. Khi vay, anh C viết vào sổ nợ của chị A. Sau đó anh đã trả hết nợ, nhưng không lấy lại giấy vay tiền. Đối với giấy vay 168 triệu đồng, anh C cho rằng anh không trực tiếp viết. Qua nhận biết, anh thấy chỉ có 1 số nét trên dòng giấy vay, cụ thể tính từ trên xuống tại dòng 1,2,3,7 và 8 là có nét giống chữ của anh; từ dòng 4,5,6,9 cho đến phần ký tên người vay tiền là không giống chữ của anh. Về lỗi gạch, tẩy anh hoàn toàn không biết, giấy vay tiền này do chị A giữ và xuất trình là việc của chị A, anh không vay nên không liên quan.

Đối với 2 giấy vay tiền mà chị A xuất trình sau như chị A trình bày, anh C thừa nhận là có vay của chị A số tiền 2 lần là 70 triệu đồng, nhưng anh đã trả hết. Về số nợ 28 triệu đồng là chữ viết của chị A, không có chữ ký của anh C. Anh C không đồng ý còn nợ chị A số tiền này. 01 Giấy vay đề ngày 23/12/2014, số tiền là 140 triệu đồng, anh C thừa nhận anh là người viết để làm mẫu cho vợ là Đào Thị H sang nhà chị A vay tiền. Thực tế vợ anh chưa sang hỏi vay và cũng chưa nhận tiền của chị A. Thời gian này anh chơi bời, nghiện hút, vợ chồng thường cãi cọ nhau và có để giấy vay (viết mẫu) tại nhà, không hiểu sao giấy vay chị A lại có được. Do đó, anh không đồng ý việc chị A yêu cầu vợ chồng anh phải có trách nhiệm trả nợ số tiền trên cho chị. A đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 07/6/2017, đơn đề nghị, biên bản hòa giải, bị đơn chị Đào Thị H trình bày: Chị cũng đồng ý với những nội dung anh C đã trình bày. Thực tế số nợ chị A đang yêu cầu đối với vợ chồng chị là hoàn toàn không đúng. Việc anh C có viết mẫu cho chị để hỏi chị A vay 140 triệu đồng là đúng, nhưng chị chưa sang nhà chị A vay và nhận tiền. Còn giấy vay tiền do chồng chị viết mẫu là chị để ở nhà, không hiểu sao chị A lại có giấy đó. Về lỗi gạch tẩy trên giấy vay 168 triệu đồng là việc của chị A, vợ chồng chị không vay nên chị không có trách nhiệm trả nợ và chứng minh. Chị đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị A vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu anh Phạm Văn C và chị Đào Thị H phải trả 168 triệu đồng tiền gốc, lãi xuất chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; bị đơn chị Đào Thị H có đơn xin xử vắng mặt, anh Phạm Văn C không đồng ý việc chị A yêu cầu anh chị trả số nợ trên và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

* Về việc tham gia của KSV tại phiên tòa: Theo công văn số 20/VKS-DS ngày 18/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa thì vụ án không thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 97, Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, không thuộc trường hợp VKS tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành cho các đương sự viết bản tự khai; nhận thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự không thống nhất về việc giải quyết vụ án và có đơn đề nghị không trung cầu giám định. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 208 và Điều 209 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án ra quyết định yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ, nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 97, Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS, thì vụ án này VKS không tham gia phiên tòa là đúng quy định.

Tại phiên tòa hôm nay chị Đào Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

* Về nội dung vụ án:

[1] Xét các giấy vay tiền của Nguyên đơn cho các bị đơn vay: Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Giấy vay tiền 168 triệu (bản chính viết tay) được xác định là chứng cứ gốc, để xem xét yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị A là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, trên giấy vay tiền lại có lỗi sửa, tẩy tại dòng 9 từ trên xuống phần số “168” và gạch chữ số “sáu” dòng 10, phần số tiền vay không có chữ ký xác nhận lỗi tẩy xóa của bên cho vay hoặc bên được vay. Nguyên đơn thừa nhận cho bị đơn vay tiền, bị đơn không thừa nhận viết giấy vay. Mặt khác, chị A có đơn đề nghị không có trách nhiệm và yêu cầu đi giám định chữ viết. Do đó, chưa đủ cơ sở xác định số tiền thực tế các bên đang có tranh chấp.

Ngoài ra chị đã xuất trình 2 giấy vay nợ do anh C và chị H vay của chị trước đó. Cụ thể: 01 giấy vay còn chót nợ 28 triệu đồng và 01 giấy vay 140 triệu đồng. Đây là số tiền cộng dồn của giấy chị đang yêu cầu Tòa án giải quyết mà có lỗi tẩy, gạch. Chị khẳng định số tiền bị tẩy, gạch là do Phạm Văn C thực hiện. Để chứng minh cho việc vay số tiền trên là hoàn toàn đúng thực tế, chị yêu cầu được xem xét 2 giấy vay này trong quá trình giải quyết.

Căn cứ vào giấy vay có lỗi tẩy, gạch và 2 giấy vay chị A xuất trình sau có trùng khớp về số tiền như yêu cầu khởi kiện của chị A, nên HĐXX chấp nhận xem xét các giấy vay này trong cùng vụ án.

[2] Xét yêu cầu của các bị đơn: anh Phạm Văn C và chị Đào Thị H đều không thừa nhận vay tiền và viết giấy vay chị A 168 triệu đồng. Về 2 giấy vay tiền chị A xuất trình sau thì bị đơn thừa nhận 2 giấy vay tiền, cụ thể:

* Tại giấy vay tiền 140 triệu: anh C và chị H đều thừa nhận là do Phạm Văn C viết, ký tên người vay là Đào Thị H, mục đích chỉ làm mẫu cho vợ sang chị A vay tiền, nhưng chưa hỏi vay, còn giấy vay chị A có được là anh chị đều không biết. Hội đồng xét xử xác định việc vay số tiền trên, có vay hay không thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về anh C, chị H. Tuy nhiên, bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu trên của mình. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS, Điều 27 Luật HNGĐ, HĐXX đủ căn cứ xác định việc vay số tiền trên của anh C, chị H là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận xem xét, buộc anh C, chị H phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện.

* Tại giấy vay tiền ngày 20/10/2014: Phạm Văn C đồng ý có vay chị A số tiền trên giấy vay này, đã trả hết và chị A là người gạch hết nợ. Phần chót nợ 28 triệu đồng phía dưới tờ giấy vay là do chị A viết, nhưng không có chữ ký của Phạm Văn C. Chị A cho rằng anh còn nợ 28 triệu đồng là anh không đồng ý. Xét phần chót nợ của chị A đối với Phạm Văn C, nhưng không có chữ ký người vay ký xác nhận, HĐXX xét thấy không có cơ sở buộc anh C trả số tiền nợ trên cho chị A, do đó HĐXX không chấp nhận yêu cầu này của chị Trương Thị A.

* Từ những phân tích trên, đủ cơ sở khẳng định việc anh Phạm Văn C và chị Đào Thị H vay của chị Trương Thị A số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) trên tổng số tiền 168 triệu đồng mà chị A đang yêu cầu. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị A.

[3] Về lãi suất: Chị A không rút yêu cầu với số tiền 28 triệu đồng do không được HĐXX chấp nhận, vẫn đề nghị anh C, chị H phải trả lãi trên tổng số tiền vay 168 triệu đồng theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị yêu cầu tính lãi của chị A đối với anh C, chị H là hoàn toàn phù hợp, HĐXX chấp nhận đề nghị của chị A về yêu cầu lãi suất. Tuy nhiên, số tiền 168 triệu đồng chị A đang yêu cầu đối với anh C, chị H chỉ có cơ sở chấp nhận xem xét là 140 triệu đồng. Đối với giấy vay tiền 140 triệu đồng, HĐXX xét thấy: đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Căn cứ Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Vì vậy, thời gian để các bên được biết tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ

án (01/6/2017 cho đến ngày xét xử 30/8/2017) là 3 tháng làm cơ sở tính lãi suất trên số tiền vay được chấp nhận. Buộc anh C, chị H phải chịu lãi suất, cụ thể: $140.000.000đ \times 3 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} (=10\%/\text{năm}) = 3.486.000đ$, là hoàn toàn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015.

* Như vậy, tiền gốc và tiền lãi anh Phạm Văn C và chị Đào Thị H phải trả cho chị Trương Thị A là: $140.000.000đ + 3.486.000đ = 143.486.000đ$ (Một trăm bốn ba triệu bốn trăm tám sáu nghìn đồng).

[4] Về án phí: Chị Trương Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 28 triệu đồng không được chấp nhận ($28.000.000đ \times 5\%$); Anh Phạm Văn C, chị Đào Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ($143.486.000đ \times 5\%$) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 469 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị A.

Buộc anh Phạm Văn C và chị Đào Thị H phải trả cho chị Trương Thị A: tiền gốc: 140.000.000đ; tiền lãi: 3.486.000đ. Tổng cộng: 143.486.000đ (Một trăm bốn ba triệu bốn trăm tám sáu nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Chị Trương Thị A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (DSST) là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0004490 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị A được trả lại 2.800.000 (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) án phí DSST đã nộp.

Anh Phạm Văn C và chị Đào Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (DSST) là 7.174.000đ (Bảy triệu một trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị A, anh C; vắng mặt chị H. Chị A, anh C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H vắng

mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hà

Đỗ Xuân Thái

Lê Thị Huệ

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hà

Đỗ Xuân Thái

Lê Thị Huệ

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Huệ